

Bản án số: 56/2021/DS-ST

Ngày: 10/11/2021.

Về việc: Tranh chấp Hợp đồng vay

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Hồ Thị Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Tám;

2. Bà Đặng Thị Tiềm.

- Thư ký phiên tòa: bà Huỳnh Thanh An – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay.

Trong ngày 10 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 37/2021/TLST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2021, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2021/QĐXXST- DS ngày 22 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Phạm Thị Bé B, sinh năm 1964; Có mặt.

Địa chỉ: ấp T, xã H, thị xã C, tỉnh Tiền Giang

- Bị đơn: bà Võ Thị T, sinh năm 1970; Vắng mặt.

Địa chỉ: ấp P, xã Q, thị xã C, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Bé B trình bày:

Vào ngày 12/5/2020, bà Võ Thị T có vay của bà số tiền là 10.000.000 đồng; bà T có ghi biên nhận, ký tên và hứa trả sau 01 tháng. Đến hạn bà T không trả nên bà B có yêu cầu nhiều lần thì bà T trả được 02 lần tổng số tiền là 2.800.000 đồng, còn lại 7.200.000 đồng bà T không trả đến nay.

Bà Phạm Thị Bé B yêu cầu Tòa án giải quyết: buộc bà Võ Thị T phải trả lại cho bà số tiền còn nợ là 7.200.000 đồng.

* Bị đơn, bà Võ Thị T không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ liên quan đến số tiền đã nhận vay của bà Phạm Thị Bé B.

* Tại phiên tòa:

- Bà Phạm Thị Bé B giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đòi bà Võ Thị T trả số tiền 7.200.000 đồng và xác định cho bà T vay tiền không có lãi nên không yêu cầu bà T trả tiền lãi, yêu cầu bà T phải chịu lãi suất chậm thi hành án theo quy định của pháp luật.

- Bà Võ Thị T vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Bà Võ Thị T là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên xem như từ bỏ quyền tham gia phiên tòa và quyền đưa ra tài liệu, chứng cứ bảo vệ quyền lợi cho mình. Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà T.

[2]. Quan hệ vay tài sản giữa các bên xác lập vào tháng 5/2020 nên áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết tranh chấp.

[3]. Xem xét tài liệu, chứng cứ và yêu cầu của nguyên đơn:

Thấy rằng: nguyên đơn bà Phạm Thị Bé B đã giao nộp tài liệu, chứng cứ chứng minh giữa bà và bà Võ Thị T có thiết lập quan hệ hợp đồng vay gồm:

+ 01 biên nhận ngày 12/5/2020 có nội dung thể hiện bà Võ Thị T nhận của bà Bé B số tiền 10.000.000 đồng có chữ ký và chữ viết Võ Thị T.

Tòa án đã giao hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng bà Võ Thị T không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không giao nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ liên quan việc trả tiền cho bà Bé B và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do bà Phạm Thị Bé B cung cấp xác định bà Võ Thị T thực tế có nhận của bà Phạm Thị Bé B số tiền 10.000.000 đồng nhưng chỉ trả được 2.800.000 đồng, còn lại 7.200.000 đồng không trả khi bà Bé B có yêu cầu là vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 466, 469 của Bộ luật Dân sự nên bà Bé B khởi kiện đòi bà T thực hiện nghĩa vụ trả tiền còn nợ là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận và buộc bà T phải trả nợ vay cho bà Bé B số tiền là 7.200.000 đồng.

[4]. Về án phí:

Yêu cầu của bà Bé B được chấp nhận nên bà T là bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho bà Bé B theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ vào:** Điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu khởi kiện của bà Phạm Thị Bé B.

Buộc bà Võ Thị T phải có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Bé B số tiền 7.200.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Bà T phải chịu 360.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Bé B số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy theo biên lai thu số 06833 ngày 02/3/2021.

3. Quyền kháng cáo:

Bà Bé B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bà T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

HỒ THỊ ÁNH TUYẾT